

NHÀ MÁY XI MĂNG BÌNH PHƯỚC
XƯỞNG KHAI THÁC
BÁO CÁO SẢN XUẤT

Ngày 17 tháng 06 năm 2025

I. PHÂN ĐOẠN 1: KHAI THÁC

STT	NGUYÊN LIỆU	ĐVT	TỒN ĐẦU KỲ	NHẬP		XUẤT		TỒN CUỐI KỲ
				TRONG NGÀY	LŨY KẾ THÁNG	TRONG NGÀY	LŨY KẾ THÁNG	
1	ĐÁ VÔI KHAI THÁC		173.948,52	-	134.920,58	6.928,81	159.113,14	167.019,71
	1.1 - Đá vôi tồn tại bãi	tấn	13.759,30	68,80	7.668,51	519,58	11.191,78	13.308,52
	1.1.1 Đá vôi tồn tại bãi (trước cối)	tấn	13.759,30	68,80	7.668,51	519,58	11.191,78	13.308,52
	1.2 - Đá vôi khai thác tồn tại moong	tấn	160.189,22	-	134.920,58	6.478,03	155.589,87	153.711,19
	1.2.1 - BXVC đá vôi dưới moong đổ cối	tấn	-	-	-	6.409,23	137.737,51	-
	1.2.2 - BXVC đá vôi dưới moong đổ bãi	tấn	-	-	-	68,80	7.668,51	-
	- Nhà thầu Đức Việt 568	tấn	-	-	-	68,80	1.857,85	-
	- Nhà thầu Đức Minh TH	tấn	-	-	-	-	5.810,66	-
	1.2.3 - BXVC đá vôi cho nhà thầu gia công	tấn	-	-	-	-	10.183,85	-
	- Đá vôi phụ gia	tấn	-	-	-	-	5.163,99	-
	- Đá vôi phụ gia - Giàu silic	tấn	-	-	-	-	2.098,66	-
	- Đá Vôi Tại Mỏ Tà Thiết (Phú Hữu)	tấn	-	-	-	-	2.921,20	-
2	LATARITE		150.284,99	-	-	-	-	150.284,99

	2.1 - PXKT thực hiện	tấn	150.284,99	-	-	-	-	150.284,99
	2.2 - NT thực hiện	tấn	-	-	-	-	-	-
3	BÓC TẦNG PHỦ		-	-	-	-	-	-
	3.1 - PXKT thực hiện	m3	-	-	-	-	-	-
	3.2 - Thuê Nhà thầu thực hiện	m3	-	-	-	-	-	-
4	PHI NGUYÊN LIỆU	m3	-	-	-	-	-	-
	4.1 - PXKT thực hiện	m3	-	-	-	-	-	-
	4.2 - NT thực hiện	m3	-	-	-	-	-	-
5	KHOAN		-	-	-	-	-	-
	5.1 - PXKT thực hiện	m	-	-	-	-	-	-
	5.2 - NT thực hiện (ĐM)	m	-	-	-	-	-	-
6	VẬT LIỆU NỔ		-	-	-	-	-	-
	6.1 - Thuốc nổ	kg	-	-	22.494,00	-	22.494,00	-
	- Thuốc nổ Nhũ Tương D-50mm	kg	-	-	-	-	-	-
	- Thuốc nổ Nhũ Tương D-60mm	kg	-	-	2.064,00	-	2.064,00	-
	- Thuốc nổ Nhũ Tương D-80mm	kg	-	-	4.896,00	-	4.896,00	-
	- Thuốc nổ AFST (Bao 25kg)	kg	-	-	5.550,00	-	5.550,00	-
	- Thuốc nổ AFST (Anfo D80)	kg	-	-	8.952,00	-	8.952,00	-
	- Thuốc nổ AFST (Anfo D90)	kg	-	-	1.032,00	-	1.032,00	-
	6.2 - Mìn nổ	quả	-	-	1.222,00	-	1.222,00	-
	- Mìn nổ -175g	quả	-	-	1.222,00	-	1.222,00	-
	- Mìn nổ -400g	quả	-	-	-	-	-	-

6.3 - Kíp nổ	cái	-	-	2.212,00	-	2.212,00	-
- Kíp điện vi sai (2m)	cái	-	-	174,00	-	174,00	-
- Kíp phi điện TM 6 m	cái	-	-	-	-	-	-
+ loại TM 17 ms	cái	-	-	185,00	-	185,00	-
+ loại TM 25 ms	cái	-	-	8,00	-	8,00	-
+ loại TM 42 ms	cái	-	-	598,00	-	598,00	-
- Kíp phi điện XL.400ms	cái	-	-	-	-	-	-
+ loại 6m	cái	-	-	774,00	-	774,00	-
+ loại 8m	cái	-	-	61,00	-	61,00	-
+ loại 10m	cái	-	-	82,00	-	82,00	-
+ loại 15m	cái	-	-	-	-	-	-
+ loại 12m	cái	-	-	309,00	-	309,00	-
+ loại 18m	cái	-	-	-	-	-	-
+ loại 14m	cái	-	-	21,00	-	21,00	-
6.4 - Dây nổ	m	-	-	2.050,00	-	2.050,00	-
6.5 - Dây điện mạng	m	94.500,00	-	100.000,00	-	11.000,00	94.500,00